

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	15 - 41

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinavico tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103008626 ngày 06 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 11 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên, địa chỉ và vốn điều lệ từ 30.000.000.000 VND thành 96.543.810.000 VND

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 9 năm 2013:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Mai Hồng Bằng	19.355.220.000	20,05%
Các cổ đông khác	77.188.590.000	79,95%
<b>Cộng</b>	<b>96.543.810.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 04.37.573.879

Fax : 04.37.573.880

E-mail : [vinavicogroup@hn.vnn.vn](mailto:vinavicogroup@hn.vnn.vn)

Mã số thuế : 0101910492

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 9 năm 2013 là:

- Lập trình máy tính;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;
- Đại lý;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Quảng cáo;
- Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);

1  
H  
C  
C  
H  
T  
H  
T  
H



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: ủy thác xuất nhập khẩu; Dịch vụ đại lý tà biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; Dịch vụ logistic).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại.

#### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 41).

#### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 17 tháng 3 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ra nghị quyết số 56/NQ-HĐQT/VINA VICO với các nội dung sau:

- Thông qua chủ trương tạm dừng hoạt động mỏ Thâm Thèn – xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái
- Thông qua chủ trương thoái vốn tại dự án đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng khu vực núi Pha Xúm – thôn Thanh Thủy, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
- Thông qua chủ trương góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Vinavico

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### ***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên	Ngày 01 tháng 10 năm 2012	
Ông Mai Văn Sơn	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013	
Ông Trần Trọng Huy	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013	Ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Thạch Quý	Ủy viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2014	

##### ***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Anh Tuấn	Trưởng Ban	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Nguyễn Công Đường	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011	
Ông Mai Xuân Hòa	Thành viên	Ngày 07 tháng 5 năm 2012	

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 5 năm 2006	
Ông Mai Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 12 năm 2013	

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinaico tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Mai Hồng Bằng**

Ngày 31 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Số: 253/2015/BCTC-KTTV



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vinavico, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinavico tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

**Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.402.125.559</b>	<b>49.873.096.846</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>993.486.335</b>	<b>1.302.092.374</b>
1. Tiền	111		993.486.335	1.302.092.374
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>241.231.525</b>	<b>241.159.525</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	302.325.055	302.325.055
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(61.093.530)	(61.165.530)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.551.812.196</b>	<b>21.104.858.619</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	16.486.027.157	18.352.045.956
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	4.669.092.521	3.381.881.638
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	4.781.911.661	3.895.289.090
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(10.385.219.143)	(4.524.358.065)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.554.236.898</b>	<b>15.547.630.178</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	16.554.236.898	15.547.630.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.061.358.605</b>	<b>11.677.356.150</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	209.852.760	188.718.369
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.012.210.904	2.398.876.386
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	5.839.294.941	9.089.761.395



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>73.995.072.252</b>	<b>87.366.059.126</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.501.268.429</b>	<b>59.908.148.299</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	30.886.476.061	28.284.772.433
<i>Nguyên giá</i>	222		40.626.505.743	35.128.395.738
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.740.029.682)	(6.843.623.305)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	11.136.653	21.416.657
<i>Nguyên giá</i>	228		51.400.000	51.400.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(40.263.347)	(29.983.343)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	1.603.655.715	31.601.959.209
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>28.822.915.026</b>	<b>14.122.939.926</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	22.035.397.909	7.335.397.909
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	9.421.709.085	9.421.709.085
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(2.634.191.968)	(2.634.167.068)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.670.888.797</b>	<b>13.334.970.901</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	12.670.888.797	13.334.970.901
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>115.397.197.811</b>	<b>137.239.155.972</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40.728.349.782</b>	<b>40.205.800.249</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.558.329.782</b>	<b>39.524.293.340</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	1.710.277.985	2.179.278.008
2. Phải trả người bán	312	V.19	30.608.725.201	31.672.900.711
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	5.059.989.233	2.417.097.122
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	1.931.695.690	2.111.911.255
5. Phải trả người lao động	315		596.032.845	521.228.974
6. Chi phí phải trả	316	V.22	330.348.324	167.099.777
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	593.229.506	646.646.495
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	(271.969.002)	(191.869.002)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>170.620.000</b>	<b>681.506.909</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		84.500.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.25	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		85.520.000	681.506.909
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>74.668.848.029</b>	<b>97.033.355.723</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.26	<b>74.668.848.029</b>	<b>97.033.355.723</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.543.810.000	96.543.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.298.680.000	6.298.680.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		(1.686.650.000)	(1.686.650.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		807.672.120	807.672.120
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		724.415.361	724.415.361
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		(28.019.079.452)	(5.654.571.758)
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>115.397.197.811</b>	<b>137.239.155.972</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		574,76	34.065,83
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đồng Thị Thắm

Nguyễn Thị Hoa Huế

Mai Hồng Bàng



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	16.228.946.477	26.004.112.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	131.479.384	39.522.168
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	16.097.467.093	25.964.589.969
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.974.292.126	21.899.141.886
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(3.876.825.033)	4.065.448.083
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	922.364.335	360.119.694
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.338.194.739	(2.305.454.713)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		166.781.150	85.930.256
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	280.809.315	651.386.016
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.173.515.245	5.072.045.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.746.979.997)	1.007.591.377
11. Thu nhập khác	31	VI.7	110.994.155	2.574.546.178
12. Chi phí khác	32	VI.8	8.728.521.852	3.621.651.988
13. Lợi nhuận khác	40		(8.617.527.697)	(1.047.105.810)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	V.21	(22.364.507.694)	(39.514.433)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(367.185.637)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(22.364.507.694)	327.671.204
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(2.344)	34

Người lập biểu

Đồng Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huế

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(22.364.507.694)	(39.514.433)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.353.136.697	2.864.215.790
- Các khoản dự phòng	03	5.860.813.978	(2.278.344.581)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.858.860	332.085.292
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(312.500.030)	1.295.198.930
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	166.781.150	85.930.256
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(13.294.417.039)	2.259.571.254
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	11.710.415.761	11.813.544.684
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.006.606.720)	(5.780.351.142)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	9.747.239.186	3.322.384.081
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	642.947.713	(12.672.502.370)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(163.380.038)	(77.213.144)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14 V.21	(200.000.000)	(653.200.066)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	169.000.000	107.906.264
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(164.600.000)	(118.906.264)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.440.598.863</b>	<b>(1.798.766.703)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.670.285.244)	(4.694.826.778)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	77.394.000	2.319.611.449
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.000.000.000)	(1.410.521.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	177.760.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	312.500.000	398.536.836
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.280.391.244)</b>	<b>(3.209.439.493)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	5.815.355.199		2.679.278.008
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(6.284.355.222)		(500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		(190.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(469.000.023)</i>		<i>2.179.088.008</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(308.792.404)</b>		<b>(2.829.118.188)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.302.092.374</b>		<b>4.130.978.162</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		186.365		232.400
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>993.486.335</b>		<b>1.302.092.374</b>

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đổng Thị Thắm

Nguyễn Thị Hoa Huế

Mai Hồng Bằng



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác khoáng sản, thương mại, xây lắp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
  - Cát tạo dáng và hoàn thiện đá;
  - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn kim loại và quặng kim loại;
  - Hoàn thiện công trình xây dựng;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 31 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 31 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng thì được trích lập theo xét đoán của Ban Tổng Giám đốc và các thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu này từ các nguồn khác nhau.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### 13. Nguồn vốn kinh doanh

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### 14. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 15. **Trích lập các quỹ**

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

#### 16. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành; Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 17. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.388,6 VND/USD  
31/12/2013 : 21.082 VND/USD

#### 18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì: đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	122.088.319	13.592.240
Tiền gửi ngân hàng	871.398.016	1.288.500.134
<b>Cộng</b>	<b><u>993.486.335</u></b>	<b><u>1.302.092.374</u></b>

##### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Xi măng xây dựng Quảng Ninh	24	665.055	24	665.055
- Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Việt Nam	23.900	301.660.000	23.900	301.660.000
<b>Cộng</b>		<b><u>302.325.055</u></b>		<b><u>302.325.055</u></b>

##### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(61.093.530)	(61.165.530)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(61.093.530)</u></b>	<b><u>(61.165.530)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	61.165.530	235.274.818
Trích lập dự phòng bổ sung	-	2.402.000
Hoàn nhập dự phòng	(72.000)	(176.511.288)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>61.093.530</u></b>	<b><u>61.165.530</u></b>

##### 4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng thương mại	12.440.820.421	13.065.418.845
Phải thu khách hàng xây lắp	3.455.476.788	5.286.627.111
Phải thu khách hàng khác	589.729.948	-
<b>Cộng</b>	<b><u>16.486.027.157</u></b>	<b><u>18.352.045.956</u></b>

##### 5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán thương mại	4.227.619.661	2.855.092.139
Trả trước cho người bán xây lắp	365.272.860	526.789.499
Trả trước cho người bán khác	76.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.669.092.521</u></b>	<b><u>3.381.881.638</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	19.285.143.621	11.324.995.471	4.457.311.192	60.945.454	35.128.395.738
Tăng trong năm do đầu tư, xây dựng cơ bản hoàn thành	2.338.581.204	3.683.373.087	-	-	6.021.954.291
Giảm do thanh lý nhượng bán trong năm	-	-	(523.844.286)	-	(523.844.286)
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.623.724.825</b>	<b>15.008.368.558</b>	<b>3.933.466.906</b>	<b>60.945.454</b>	<b>40.626.505.743</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	87.500.000	-	-	87.500.000
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.028.329.072	3.853.828.692	1.914.675.168	46.790.373	6.843.623.305
Tăng trong do khấu hao trong năm	1.099.051.410	1.727.005.738	504.610.449	12.189.096	3.342.856.693
Giảm do thanh lý nhượng bán trong năm	-	-	(446.450.316)	-	(446.450.316)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.127.380.482</b>	<b>5.580.834.430</b>	<b>1.972.835.301</b>	<b>58.979.469</b>	<b>9.740.029.682</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	18.256.814.549	7.471.166.779	2.542.636.024	14.155.081	28.284.772.433
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.496.344.343</b>	<b>9.427.534.128</b>	<b>1.960.631.605</b>	<b>1.965.985</b>	<b>30.886.476.061</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.811.113.455 VND và 996.112.405 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

#### 12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	51.400.000	-	-	51.400.000
Giá trị hao mòn	(29.983.343)	(10.280.004)	-	(40.263.347)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>21.416.657</b>	<b>(10.280.004)</b>	<b>-</b>	<b>11.136.653</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	5.655.870.978	234.234.650	(211.095.845)	(5.655.870.978)	23.138.805
<i>Cần trục tháp 2984</i>	<i>2.970.613.689</i>	-	-	<i>(2.970.613.689)</i>	-
<i>Cần trục tháp 2987</i>	<i>2.685.257.289</i>	-	-	<i>(2.685.257.289)</i>	-
<i>Xe nâng</i>	-	<i>23.138.805</i>	-	-	<i>23.138.805</i>
<i>Máy đo kích cỡ hạt lazer</i>	-	<i>211.095.845</i>	<i>(211.095.845)</i>	-	-
XDCB dở dang	25.946.088.231	2.954.201.325	(5.223.941.947)	(22.095.830.699)	1.580.516.910
<i>Mỏ đá Khu Ca – Yên Bái <sup>(i)</sup></i>	<i>22.095.830.699</i>	-	-	<i>(22.095.830.699)</i>	-
<i>Dự án nhà máy Nghiễn bột</i>	<i>3.850.257.532</i>	<i>2.954.201.325</i>	<i>(5.223.941.947)</i>	-	<i>1.580.516.910</i>
<b>Cộng</b>	<b>31.601.959.209</b>	<b>3.188.435.975</b>	<b>(5.435.037.792)</b>	<b>(27.751.701.677)</b>	<b>1.603.655.715</b>

(i) Theo quyết định 600B/QĐ/VINAVICO-HĐQT ngày 27/12/2010, HĐQT công ty phê duyệt dự án khai thác đá hoa khu vực núi Khu Ca, xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tổng mức đầu tư của dự án là 53.429.360.440 VNĐ trong thời gian 30 năm. Mỏ đá Khu Ca được hình thành thông qua việc góp vốn bằng quyền thăm dò mỏ với tổng số tiền 14,4 tỷ VNĐ từ các năm trước của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác mỏ Vinavico. Ngoài ra chi phí xây dựng cơ bản dở dang mỏ đá này còn bao gồm tiền đền bù giải phóng mặt bằng, khoan thăm dò và các chi phí lương, vật tư và các chi phí khác liên quan. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đã nhượng quyền khai thác mỏ Khu ca cho Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú.

(\*) Bao gồm:

- Nhượng bán, thanh lý máy móc chưa sử dụng số tiền: 5.655.870.978 VND.

- Chuyển nhượng thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản cho Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú với giá trị 3.000.000.000 VND và số tiền thu được là 3.000.000.000 VND; góp vốn bằng quyền thăm dò mỏ cùng các chi phí khác (đền bù giải phóng mặt bằng, khoan thăm dò, chi phí lương, vật tư ...) vào Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú với giá trị 19.368.557.972 VND, giá trị vốn góp được xác định là 11.700.000.000 VND.

#### 14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone <sup>(i)</sup>	7.335.397.909	7.335.397.909
Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú <sup>(ii)</sup>	14.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.035.397.909</b>	<b>7.335.397.909</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105451585 thay đổi lần 1 ngày 06 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone 7.350.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư 7.335.397.909 VND, tương đương 48,9% vốn điều lệ, số vốn còn phải góp là 14.602.091 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200773856 thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú 9.000.000.000 VND tương đương 30% vốn điều lệ, bà Phạm Thị Thúy Hằng (đại diện cho Công ty Cổ phần Vinavico đứng tên góp vốn) đầu tư vào Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú 5.700.000.000 VND tương đương 19% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư 14.700.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ, trong đó góp vốn bằng tài sản là 11.700.000.000 VND.

### 15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Việt Nam	83	1.209.085	83	1.209.085
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Việt Nam (*)	15.000	262.500.000	15.000	262.500.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam	400.000	5.000.000.000	400.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II	12.052	2.096.000.000	12.052	2.096.000.000
Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	50.000	1.000.000.000	50.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	18.343	732.000.000	18.343	732.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin và Truyền thông Nam Việt	25.000	250.000.000	25.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông tin Vinavico	8.000	80.000.000	8.000	80.000.000
<b>Cộng</b>		<b>9.421.709.085</b>		<b>9.421.709.085</b>

(\*) Cổ phiếu này đã hủy niêm yết ngày 20 tháng 12 năm 2013.

### 16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết	(1.009.885)	(984.985)
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu hủy niêm yết	(111.224.483)	(111.224.483)
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu khác (**)	(2.521.957.600)	(2.521.957.600)
<b>Cộng</b>	<b>(2.634.191.968)</b>	<b>(2.634.167.068)</b>

(\*\*) Khoản dự phòng này được trích lập dựa trên xét đoán của Ban Tổng Giám đốc và các thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu từ các nguồn khác nhau. Ban Tổng Giám đốc lưu ý rằng độ tin cậy về giá thị trường của các cổ phiếu dùng để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư của các cổ phiếu này là chưa cao.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.634.167.068	5.795.757.900
Trích lập dự phòng bổ sung	33.200	61.367.985
Hoàn nhập dự phòng	(8.300)	(3.222.958.817)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.634.191.968</b>	<b>2.634.167.068</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	276.341.101	152.369.999	(246.737.850)	181.973.250
Chi phí đăng ký tên miền	1.542.393	1.395.000	(1.879.710)	1.057.683
Chi phí đầu tư nhỏ	12.910.836.074	-	(439.942.056)	12.470.894.018
Chi phí sửa chữa	33.333.339	-	(33.333.339)	-
Chi phí khác	112.917.994	-	(95.954.148)	16.963.846
<b>Cộng</b>	<b>13.334.970.901</b>	<b>153.764.999</b>	<b>(817.847.103)</b>	<b>12.670.888.797</b>

#### 18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.710.277.985	2.179.278.008
<b>Cộng</b>	<b>1.710.277.985</b>	<b>2.179.278.008</b>

Khoản vay tại Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng Xe ô tô Toyota Land Cruise Prado TX - L 2.7 L, biển kiểm soát số 30Z-8451.

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.179.278.008	3.635.355.199	(4.104.355.222)	1.710.277.985
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	2.180.000.000	(2.180.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.179.278.008</b>	<b>5.815.355.199</b>	<b>(6.284.355.222)</b>	<b>1.710.277.985</b>

#### 19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán về lĩnh vực xây lắp	813.888.050	2.094.293.511
Phải trả người bán về lĩnh vực thương mại (*)	29.683.597.151	29.578.607.200
Phải trả người bán khác	111.240.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.608.725.201</b>	<b>31.672.900.711</b>

(\*) Trong đó: Nợ phải trả cho những Hợp đồng mua máy móc thiết bị từ năm 2010 nhưng không liên lạc được với nhà cung cấp là: 29.578.607.200 VND.

#### 20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây lắp	4.933.941.233	2.245.097.122
Người mua trả tiền trước lĩnh vực thương mại	126.048.000	42.000.000
Người mua trả tiền trước khác	-	130.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.059.989.233</b>	<b>2.417.097.122</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	52.247.538	(52.247.538)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	141.959.462	(141.959.462)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.628.422.025	-	(200.000.000)	1.428.422.025
Thuế thu nhập cá nhân	483.489.230	15.183.525	-	498.672.755
Thuế tài nguyên	-	30.004.500	(26.026.590)	3.977.910
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.760.750	(5.137.750)	623.000
<b>Cộng</b>	<b>2.111.911.255</b>	<b>243.395.025</b>	<b>(424.233.590)</b>	<b>1.931.695.690</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(22.364.507.694)	(39.514.433)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		(1.949.195.104)
- Các khoản điều chỉnh tăng	83.458.065	
Chi phí không đủ chứng từ, không hợp lệ	397.897.225	1.684.749.917
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	197.180.885	10.400.000
Chi phí khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ	57.000.000	75.000.000
Khấu hao của nhà cửa chưa có quyền sở hữu	21.111.346	21.111.346
Tăng/giảm doanh thu chưa xuất hóa đơn	119.450.208	109.496.022
Tăng/giảm giá vốn hàng bán tương ứng	-	4.952.855.786
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	(3.484.113.237)
Dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC	3.121.586	
- Các khoản điều chỉnh giảm	33.200	
Cổ tức được nhận	(314.439.160)	(3.633.945.021)
Lãi CLTG chưa thực hiện	(312.500.000)	(234.474.916)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC cuối năm trước	(1.858.860)	
	(80.300)	(3.399.470.105)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(22.281.049.629)</b>	<b>(1.988.709.537)</b>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(22.281.049.629)</b>	<b>(1.988.709.537)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	113.895.614	3.900.902
Chi phí vận chuyển bốc dỡ	103.125.543	11.195.000
Chi phí lãi vay	12.118.224	8.717.112
Trích trước chi phí khác	101.208.943	143.286.763
<b>Cộng</b>	<b><u>330.348.324</u></b>	<b><u>167.099.777</u></b>

#### 23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	54.011.333	39.802.159
BHXH, BHYT, BHTN	11.055.019	200.451.427
Vay không tính lãi của Bà Hoa	100.000.000	-
Cổ tức năm 2010	42.300.184	42.300.184
Phải trả CBCNV về hoàn ứng thừa của dự án	285.962.970	287.655.225
Phải trả về tiền thù lao HĐQT	69.900.000	45.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	30.000.000	31.437.500
<b>Cộng</b>	<b><u>593.229.506</u></b>	<b><u>646.646.495</u></b>

#### 24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(178.753.828)	-	(178.753.828)
Quỹ phúc lợi	(38.394.174)	(80.100.000)	(118.494.174)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	25.279.000	-	25.279.000
<b>Cộng</b>	<b><u>(191.869.002)</u></b>	<b><u>(80.100.000)</u></b>	<b><u>(271.969.002)</u></b>

#### 25. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước của hợp đồng cung cấp và lắp đặt Đá tự nhiên	-	681.506.909
Doanh thu nhận trước của hợp đồng tư vấn	85.520.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>85.520.000</u></b>	<b><u>681.506.909</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**26. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
92.000.000.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.982.242.962)	92.161.874.519
4.543.810.000	-	-	-	-	-	4.543.810.000
<b>96.543.810.000</b>	<b>6.298.680.000</b>	<b>(1.686.650.000)</b>	<b>807.672.120</b>	<b>724.415.361</b>	<b>(5.654.571.758)</b>	<b>97.033.355.723</b>
96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	807.672.120	724.415.361	(5.654.571.758)	97.033.355.723
-	-	-	-	-	(22.364.507.694)	(22.364.507.694)
<b>96.543.810.000</b>	<b>6.298.680.000</b>	<b>(1.686.650.000)</b>	<b>807.672.120</b>	<b>724.415.361</b>	<b>(28.019.079.452)</b>	<b>74.668.848.029</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ đã đầu tư (VND)		Vốn điều lệ còn phải đầu tư (VND)	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Mai Hồng Bằng	19.355.220.000	20,05%	19.355.220.000	-	-	-
Các cổ đông khác	77.188.590.000	79,95%	77.188.590.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>96.543.810.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>96.543.810.000</b>	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	-	4.543.810.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.543.810.000</b>

#### Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.654.381	9.654.381
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.654.381	9.654.381
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.654.381</i>	<i>9.654.381</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.654.381	9.654.381
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.654.381</i>	<i>9.654.381</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	16.228.946.477	26.004.112.137
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>6.451.040.387</i>	<i>13.276.893.484</i>
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>3.361.064.841</i>	-
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>424.330.000</i>	-
- <i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	<i>5.992.511.249</i>	<i>12.727.218.653</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(131.479.384)	(39.522.168)
- <i>Thuế xuất khẩu</i>	<i>(131.479.384)</i>	<i>(39.522.168)</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>16.097.467.093</b>	<b>25.964.589.969</b>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>6.389.162.899</i>	<i>13.237.371.316</i>
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>3.291.462.945</i>	-
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>424.330.000</i>	-
- <i>Doanh thu thuần hoạt động xây dựng</i>	<i>5.992.511.249</i>	<i>12.727.218.653</i>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	10.948.624.011	12.578.319.389
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	3.178.861.881	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	4.917.854.872	9.320.822.497
Chi phí trong thời gian chưa sản xuất	928.951.362	-
<b>Cộng</b>	<b><u>19.974.292.126</u></b>	<b><u>21.899.141.886</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	86.222.069
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.641.838	20.344.166
Lãi cho vay	-	16.996.667
Cổ tức	312.500.000	234.474.916
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.858.860	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.633.689	-
Lãi đầu tư hợp tác kinh doanh	589.729.948	-
Doanh thu tài chính khác	-	2.081.876
<b>Cộng</b>	<b><u>922.364.335</u></b>	<b><u>360.119.694</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	166.781.150	85.930.256
Lỗ chênh lệch đã thực hiện	44.684.235	17.127.751
Lỗ chênh lệch chưa thực hiện	-	332.085.292
Lỗ do đầu tư chứng khoán	-	591.392.915
Dự phòng các khoản đầu tư	33.200	63.769.985
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(80.300)	(3.399.470.105)
Chi phí đầu tư hợp tác kinh doanh	1.126.776.454	-
Chi phí tài chính khác	-	3.709.193
<b>Cộng</b>	<b><u>1.338.194.739</u></b>	<b><u>(2.305.454.713)</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	143.133.489	414.441.501
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	31.686.046	17.413.582
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	7.162.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.513.064	144.197.342
Chi phí bằng tiền khác	26.476.716	68.171.403
<b>Cộng</b>	<b><u>280.809.315</u></b>	<b><u>651.386.016</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.430.222.966	1.894.934.130
Chi phí đồ dùng văn phòng	227.911.448	195.138.713
Chi phí khấu hao TSCĐ	502.193.239	435.941.773
Thuế, phí và lệ phí	551.930	(5.377.600)
Chi phí dự phòng	5.860.861.078	1.057.355.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.556.729	1.220.446.594
Chi phí bằng tiền khác	159.217.855	273.605.948
<b>Cộng</b>	<b><u>9.173.515.245</u></b>	<b><u>5.072.045.097</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	77.394.000	2.527.611.449
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	147	2.911
Thu từ xuất bán sản phẩm cho khách hàng dùng thử	-	46.931.818
Thu từ xuất bán bao bì cũ	33.600.008	-
<b>Cộng</b>	<b><u>110.994.155</u></b>	<b><u>2.574.546.178</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý tài sản	77.393.970	3.569.111.116
Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản góp vốn liên quan đến mỏ đá Khau Ca	8.563.490.742	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm	3.121.586	-
Xử lý công nợ	347.251	1.540.844
Chi phí khác	84.168.303	51.000.028
<b>Cộng</b>	<b><u>8.728.521.852</u></b>	<b><u>3.621.651.988</u></b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(22.364.507.694)	327.671.204
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(22.364.507.694)	327.671.204
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.542.381	9.542.381
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(2.344)</u></b>	<b><u>34</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.542.381	9.088.000
Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	454.381
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>9.542.381</u></b>	<b><u>9.542.381</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn bằng tài sản	11.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.700.000.000</b>	<b>-</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 17 tháng 3 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ra nghị quyết số 56/NQ-HĐQT/VINA VICO với các nội dung sau:

- Thông qua chủ trương tạm dừng hoạt động mỏ Thâm Thên – xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái
- Thông qua chủ trương thoái vốn tại dự án đầu tư khai thác và chế biến đá xây dựng khu vực núi Pha Xúm – thôn Thanh Thủy, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
- Thông qua chủ trương góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Vinavico

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị còn lại của tài sản tại mỏ Thâm Thên là 21.843.661.011 VND, tại mỏ Pha Xúm là 5.021.286.772 VND.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Ban điều hành</b>		
Tạm ứng	1.191.734.540	208.737.000
Hoàn ứng	1.123.174.599	202.206.178

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành	1.113.176.289	2.279.793.796
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>1.113.176.289</b>	<b>2.279.793.796</b>
Hội đồng quản trị	69.900.000	45.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>69.900.000</b>	<b>45.000.000</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	330.798.852	440.937.779
<b>Cộng</b>	<b>330.798.852</b>	<b>440.937.779</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đá Cẩm thạch An Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	Công ty trong cùng hệ thống

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone</b>		
Bán hàng cho VnStone	-	2.821.446.570
Mua nguyên liệu, hàng hóa và thuê nhân công của VnStone	3.373.809.733	4.714.913.938
<b>Công ty TNHH Đá Cẩm thạch An Phú</b>		
Góp vốn vào An Phú	14.700.000.000	-
Nhượng quyền khai thác mỏ cho An Phú	3.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone</b>	<b>4.391.775.942</b>	<b>5.509.598.942</b>
Phải thu hỗ trợ dự án	-	4.253.500
Phải thu giá trị bán hàng và xây lắp	4.391.775.942	5.505.345.442
<b>Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và khai thác mỏ Vinavico</b>	<b>230.018.284</b>	<b>230.018.284</b>
Phải thu giá trị xây lắp	30.018.284	30.018.284
Phải thu tiền hỗ trợ dự án	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>4.621.794.226</b>	<b>5.739.617.226</b>
<b>Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone</b>		
Trả trước tiền mua hàng	2.241.849.391	1.133.077.737
<b>Cộng nợ khách hàng ứng trước</b>	<b>2.241.849.391</b>	<b>1.133.077.737</b>

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm:

- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt sản phẩm đá cho các dự án.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: bán bột đá và đá.
- Lĩnh vực dịch vụ: tư vấn khai thác mỏ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA-VICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6.462.511.249	9.210.625.844	424.330.000	16.097.467.093
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.462.511.249</b>	<b>9.210.625.844</b>	<b>424.330.000</b>	<b>16.097.467.093</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.544.656.377	(5.845.811.410)	424.330.000	(3.876.825.033)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(9.454.324.560)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(13.331.149.593)
Doanh thu hoạt động tài chính				922.364.335
Chi phí tài chính				(1.338.194.739)
Thu nhập khác				110.994.155
Chi phí khác				(8.728.521.852)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(22.364.507.694)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>(14.799.193.057)</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>(4.170.983.800)</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.727.218.653	13.237.371.316	-	25.964.589.969
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>12.727.218.653</b>	<b>13.237.371.316</b>	<b>-</b>	<b>25.964.589.969</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.406.396.156	659.051.927	-	4.065.448.083
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.723.431.113)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.657.983.030)
Doanh thu hoạt động tài chính				360.119.694
Chi phí tài chính				2.305.454.713
Thu nhập khác				2.574.546.178
Chi phí khác				(3.621.651.988)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				367.185.637
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>327.671.204</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>(6.175.719.290)</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>(2.514.729.586)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>40.030.607.997</u>	<u>20.935.474.380</u>	<u>-</u>	<u>60.966.082.377</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>54.431.115.433</u>
<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>115.397.197.811</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>5.975.052.064</u>	<u>29.912.770.694</u>	<u>170.020.000</u>	<u>36.057.842.758</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.670.507.024</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>40.728.349.782</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>81.456.708.564</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>36.683.374.509</u>	<u>18.200.555.731</u>	<u>-</u>	<u>54.883.930.240</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>82.355.225.732</u>
<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>137.239.155.972</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>5.506.457.544</u>	<u>29.589.802.200</u>	<u>-</u>	<u>35.096.259.744</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>5.109.540.505</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>40.205.800.249</u></b>

### **Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## **4. Quản lý rủi ro tài chính**

### **Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

### **Phải thu khách hàng**

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	993.486.335	-	993.486.335
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	10.757.225.137	5.728.802.020	16.486.027.157
Các khoản phải thu khác	1.509.162.771	3.322.748.890	4.831.911.661
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.330.000.000	3.091.709.085	9.421.709.085
<b>Cộng</b>	<b>19.589.874.243</b>	<b>12.445.585.050</b>	<b>32.035.459.293</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.302.092.374	-	1.302.092.374
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	12.956.038.847	5.396.007.109	18.352.045.956
Các khoản phải thu khác	626.793.700	3.318.495.390	3.945.289.090
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.300.000.000	3.121.709.085	9.421.709.085
<b>Cộng</b>	<b>21.184.924.921</b>	<b>12.138.536.639</b>	<b>33.323.461.560</b>

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	1.710.277.985	-	-	1.710.277.985
Phải trả người bán	30.608.725.201	-	-	30.608.725.201
Các khoản phải trả khác	674.715.864	-	-	674.715.864
<b>Cộng</b>	<b>32.993.719.050</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>32.993.719.050</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	2.179.278.008	-	-	2.179.278.008
Phải trả người bán	31.672.900.711	-	-	31.672.900.711
Các khoản phải trả khác	569.591.784	-	-	569.591.784
<b>Cộng</b>	<b>34.421.770.503</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.421.770.503</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	574,76	34.065,83
Phải thu khách hàng	35.851,00	12.892,28
Phải trả người bán	(1.403.000,00)	(1.412.592,00)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(1.366.574,24)</b>	<b>(1.365.633,89)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 455.974.111 VND (năm trước giảm/tăng 431.854.405 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 20.077.153 VND (năm trước giảm/tăng 32.689.170 VND).

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng 51.682.142 VND hoặc giảm 74.593.041 VND.

### *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

## 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### *Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	993.486.335	-	1.302.092.374	-	993.486.335	1.302.092.374
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	302.325.055	(61.093.530)	302.325.055	(61.165.530)	241.231.525	241.159.525
Phải thu khách hàng	16.486.027.157	(5.728.802.020)	18.352.045.956	(2.808.813.238)	10.757.225.137	15.543.232.718
Các khoản phải thu khác	4.831.911.661	(3.322.748.890)	3.945.289.090	(1.715.544.827)	1.509.162.771	2.229.744.263
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.421.709.085	(2.634.191.968)	9.421.709.085	(2.634.167.068)	6.787.517.117	6.787.542.017
<b>Cộng</b>	<b>32.035.459.293</b>	<b>(11.746.836.408)</b>	<b>33.323.461.560</b>	<b>(7.219.690.663)</b>	<b>20.288.622.885</b>	<b>26.103.770.897</b>

OC  
/IN  
TY  
HỮ  
T C  
NI  
TI



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	1.710.277.985	2.179.278.008	1.710.277.985	2.179.278.008
Phải trả người bán	30.608.725.201	31.672.900.711	30.608.725.201	31.672.900.711
Các khoản phải trả khác	674.715.864	569.591.784	674.715.864	569.591.784
<b>Cộng</b>	<b>32.993.719.050</b>	<b>34.421.770.503</b>	<b>32.993.719.050</b>	<b>34.421.770.503</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được ước tính theo xét đoán của Ban Tổng Giám đốc và các thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu từ các nguồn khác.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

### 6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Đổng Thị Thẩm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng